

Phụ lục 01

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND, ngày /12/2022 của Hội đồng nhân huyện Đắk Tô)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023				Tăng so với tỉnh giao	Ghi chú
		Tỉnh giao	Huyện giao				
			Tổng số	Trong đó			
				Phân bổ chi tiết đợt này	Chưa phân bổ chi tiết (*)		
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	34,571	48,141	48,141	-	13,570	
	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	34,571	48,141	48,141	-	13,570	Phụ lục 02
	Trong đó:						
I	Ngân sách huyện	20,571	34,141	34,141	-	13,570	
1	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	7,371	7,371	7,371			
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	13,200	26,770	26,770		13,570	
<i>a</i>	<i>Phân cấp xã, thị trấn</i>		3,042	3,042			
<i>b</i>	<i>Phân cấp quản lý đất đai</i>		2,373	2,373			
<i>c</i>	<i>Cấp huyện bố trí dự án</i>		21,355	21,355			
II	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	14,000	14,000	14,000			
1	Hỗ trợ có mục tiêu phát triển hạ tầng cụm công nghiệp	7,000	7,000	7,000			
2	Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện chương trình nông thôn mới (Ưu tiên đầu tư giáo dục)	2,030	2,030	2,030			

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2023				Tăng so với tỉnh giao	Ghi chú
		Tỉnh giao	Huyện giao				
			Tổng số	Trong đó			
				Phân bổ chi tiết đợt này	Chưa phân bổ chi tiết (*)		
3	Phân cấp đầu tư từ nguồn thu số sổ kiến thiết (Ưu tiên đầu tư các công trình giáo dục thực hiện chương trình nông thôn mới)	670	670	670			
4	Hỗ trợ đầu tư các dự án cấp bách của địa phương	2,500	2,500	2,500			
5	Nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán trung ương giao chi thực hiện kiểm công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở, đăng ký biến động chính lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	1,800	1,800	1,800			

Phụ lục 02
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023
 (Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND, ngày /12/2022 của Hội đồng nhân huyện Đắk Tô)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: phân bổ ngân sách địa phương		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							Tổng số		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
	TỔNG SỐ					265,905	133,028	141,539	89,342	13,260	64,716	48,141	-	-	-		
I	VỐN PHÂN CẤP CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ					28,568	28,568	27,500	19,505	-	14,036	7,371					
	Các dự án khởi công mới năm 2023					28,568	28,568	27,500	19,505	-	14,036	7,371					
1	Đường Huỳnh Thúc Kháng (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Hồ Xuân Hương)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	thị trấn Đắk Tô	2023-	709-31/12/2021	14,991	14,991	13,000	10,000		8,371	5,371					
2	Đường Lê Hữu Trác (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Nguyễn Thị Minh Khai)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	thị trấn Đắk Tô	2023-2024	72-24/01/2022	4,760	4,760	4,500	4,500		2,000	1,000					
3	Đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	thị trấn Đắk Tô	2023-	708-31/12/2021	8,817	8,817	10,000	5,005		3,665	1,000					
II	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT					67,557	55,010	65,789	34,237	3,559	34,580	26,770					
II.1	Phân cấp xã, thị trấn										3,042	3,042					
III.2	Phân cấp quản lý đất đai										2,373	2,373					
	Thực hiện kiểm kê đất đai, thông kê, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đo đạc và các nhiệm vụ quản lý đất đai theo phân cấp										2,373	2,373					
II.3	Bố trí dự án					67,557	55,010	65,789	34,237	3,559	29,165	21,355					
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022					2,500	2,500	2,500	2,500	2,400	12	12					
	Trường Mầm non Vành Khuyên (điểm trường trung tâm), xã Tân Cảnh; Hạng mục: Nhà chức năng 05 phòng; nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Xã Tân Cảnh	2022-2022	621-09/12/2021	2,500	2,500	2,500	2,500	2,400	12	12			Đối ứng NTM		

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: phân bổ ngân sách địa phương		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
(2)	Bố trí đối ứng các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					13,389.48	5,808.87	13,389.48	5,808.87	959	5,178	5,178			
1	Đường đi khu SX Đăk Hlin thôn Kon Tu Dốp 1, xã Pô Kô (Đoạn 5)	UBND xã Pô Kô	Xã Pô Kô	2022-2023	57-30/9/2022	922.389	383.20	922.389	383.20		383	383			Đối ứng NTM
2	Sân bê tông trường trung học cơ sở xã Pô Kô	UBND xã Pô Kô	Xã Pô Kô	2022-2023	612-03/10/2022	260.000	112.60	260.000	112.60		112	112			Đối ứng NTM
3	Công, tường rào và sân bê tông trường tiểu học thôn Kon Tu Dốp II, xã Pô Kô (Cụm 2)	UBND xã Pô Kô	Xã Pô Kô	2022-2023	589-29/9/2022	390.000	171.00	390.000	171.00		171	171			Đối ứng NTM
4	Sân bê tông Trường tiểu học thôn Đăk Rao Nhỏ, xã Pô Kô	UBND xã Pô Kô	Xã Pô Kô	2022-2023	613-03/10/2022	230.000	102.20	230.000	102.20		102	102			Đối ứng NTM
5	Giếng nước khoan trường tiểu học thôn Đăk Rao Nhỏ xã Pô Kô	UBND xã Pô Kô	Xã Pô Kô	2022-2023	591-29/9/2022	340.000	152.40	340.000	152.40		152	152			Đối ứng NTM
6	Giếng nước khoan diêm trường tiểu học thôn Kon Tu Dốp 2, xã Pô Kô (cụm 2)	UBND xã Pô Kô	Xã Pô Kô	2022-2023	590-29/9/2022	340.000	152.40	340.000	152.40		152	152			Đối ứng NTM
7	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Pring (đoạn từ nhà ông A Hút đến rẫy ông A Khoa)	UBND xã Ngọc Tú	Xã Ngọc Tú	2022-2023	79-30/9/2022	924.000	379.10	924.000	379.10		379	379			Đối ứng NTM
8	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Nu (đoạn từ rẫy ông A Nu đến rẫy ông A Pheh)	UBND xã Ngọc Tú	Xã Ngọc Tú	2022-2023	81-30/9/2022	1,220.000	512.00	1,220.000	512.00		515	515			Đối ứng NTM
9	Đường GTNT thôn Đăk Dé (sau trường tiểu học); Hạng mục: Nền đường và rãnh thoát nước hai bên	UBND xã Đăk Rơ Nga	Xã Đăk Rơ Nga	2022-2023	74-30/9/2022	1,528.154	625.50	1,528.154	625.50	550	625	625			Đối ứng NTM
10	Mở rộng đường khu dân cư Tea peak thôn Đăk Manh II	UBND xã Đăk Rơ Nga	Xã Đăk Rơ Nga	2022-2023	78-30/9/2022	1,220.247	512.50	1,220.247	512.50		512	512			Đối ứng NTM
11	Mương thoát nước 2 bên đường (Đoạn từ QL40B đến cuối thôn Tê Pen)	UBND xã Đăk Trăm	Xã Đăk Trăm	2022-2023	614-03/10/2022	1,000.000	449.29	1,000.000	449.29		229	229			Đối ứng NTM
12	Mương thoát nước 2 bên đường từ nhà rông thôn Đăk Trăm đến Trường THCS	UBND xã Đăk Trăm	Xã Đăk Trăm	2022-2023	615-03/10/2022	389.000	174.40	389.000	174.40		174	174			Đối ứng NTM
13	Mương thoát nước 2 bên đường từ nhà Ông cấp đi cầu treo Đăk Trăm	UBND xã Đăk Trăm	Xã Đăk Trăm	2022-2023	616-03/10/2022	447.000	208.19	447.000	208.19		208	208			Đối ứng NTM

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: phân bổ ngân sách địa phương		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							Tổng số		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
14	Mương thoát nước 2 bên đường từ QL 40 đến đường đi cầu treo Đăk Trăm	UBND xã Đăk Trăm	Xã Đăk Trăm	2022-2023	617-03/10/2022	703.000	305.79	703.000	305.79		305	305			Đổi ứng NTM		
15	Đường đi khu sản xuất thôn Tê Rông (Từ nhà Y Phang đến Suối Tea Kow Teu)	UBND xã Văn Lem	Xã Văn Lem	2022-2023	552-20/9/2022	1,195.682	538.00	1,195.682	538.00		538	538			Đổi ứng NTM		
16	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk xanh (đoạn DH 51 đến cây đa)	UBND xã Văn Lem	Xã Văn Lem	2022-2023	547-20/9/2022	1,266.003	569.70	1,266.003	569.70	409	161	161			Đổi ứng NTM		
17	Thủy lợi Tea Pto	UBND xã Văn Lem	Xã Văn Lem	2022-2023	618-03/10/2022	1,014.000	460.60	1,014.000	460.60		460	460			Đổi ứng NTM		
(3)	Dự án chuyển tiếp sang năm 2023 thực hiện					8,000	8,000	7,300	3,300	-	1,200	1,200					
	Đường Âu Cơ (đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến đường Nguyễn Thị Minh Khai)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	thị trấn Đăk Tô	2022-2024	624-09/12/2021	8,000	8,000	7,300	3,300		1,200	1,200					
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2023					43,668	38,701	42,600	22,628	200	22,775	14,965					
1	Trụ sở làm việc khối Mặt trận và các đoàn thể huyện Đăk Tô; Hạng mục: Hội trường và các hạng mục phụ trợ	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	thị trấn Đăk Tô	2023-2024	378-27/7/2022	3,500	3,500	3,500	3,500	100	2,900	2,900					
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu du lịch thác Đăk Sing	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Xã Văn Lem	2023-2024	397-09/8/2022	2,400	1,833	2,400	1,833	100	1,500	1,500			Đổi ứng vùng dân tộc và miền núi		
3	Trường Mầm non Hoa Phượng, xã Kon Đào (Điểm trường trung tâm); Hạng mục: Nhà học 08 phòng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Xã Kon Đào	2023-2024	406-10/8/2022	4,950	2,550	4,950	2,550		3,100	2,100			Đổi ứng NTM		
4	Chợ xã Tân Cảnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Xã Tân Cảnh	2023-2023	394-09/8/2022	1,550	1,550	1,550	1,550		1,300	1,300			Đổi ứng NTM		
5	Trường Tiểu học Lê Văn Tám (Điểm trường thôn Đăk Kang Peng), xã Diên Bình	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	xã Diên Bình	2023-2024	391-09/8/2022	2,700	700	2,700	700		939	500			Đổi ứng NTM		
6	Đường Huỳnh Thúc Kháng (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Hồ Xuân Hương)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	thị trấn Đăk Tô	2023-2024	709-31/12/2021	14,991	14,991	13,000	3,000		8,371	3,000					
7	Đường Lê Hữu Trác (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Nguyễn Thị Minh Khai)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	thị trấn Đăk Tô	2023-2024	72-24/01/2022	4,760	4,760	4,500	4,500		1,000	1,000					

TT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: phân bổ ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
8	Đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	thị trấn Đắk Tô	2023-2024	708-31/12/2021	8,817	8,817	10,000	4,995		3,665	2,665			
IV	NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ					169,779	49,450	48,250	35,600	9,701	16,100	14,000	-	-	
IV.1	Hỗ trợ có mục tiêu phát triển hạ tầng cụm công nghiệp					148,329	32,100	30,000	30,000	7,201	7,000	7,000			-
	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2023					148,329	32,100	30,000	30,000	7,201	7,000	7,000			
	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	thị trấn Đắk Tô	Từ 2023-	383-22/7/2021	148,329	32,100	30,000	30,000	7,201	7,000	7,000			
IV.2	Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện chương trình nông thôn mới (Ưu tiên đầu tư giáo dục)					6,950	4,050	6,950	5,600	-	4,130	2,030	-	-	
	Các dự án khởi công mới năm 2023					6,950	4,050	6,950	5,600	-	4,130	2,030			
1	Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Văn Lem; Hạng mục: Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Xã Văn Lem	2023-	389-09/8/2022	2,000	1,650	2,000	1,650		1,030	1,030			
2	Trường Mầm non Hoa Phượng, xã Kon Đào (Điểm trường trung tâm); Hạng mục: Nhà học 08 phòng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Xã Kon Đào	2023-	406-10/8/2022	4,950	2,400	4,950	3,950		3,100	1,000			
IV.3	Phân cấp đầu tư từ nguồn thu sở số kiến thiết (Ưu tiên đầu tư các công trình giáo dục thực hiện chương trình nông thôn mới)					2,500	1,300	1,300	-	-	670	670	-	-	
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023					2,500	1,300	1,300	-	-	670	670			
1	Trường tiểu học Đắk Trăm; Hạng mục: Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Xã Đắk Trăm	2023-	388-09/8/2022	2,500	1,300	1,300			670	670			Lồng ghép với vốn CTMTQG
IV.4	Hỗ trợ đầu tư các dự án cấp bách của địa phương					12,000	12,000	10,000	-	2,500	2,500	2,500			
(3)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2023					12,000	12,000	10,000	-	2,500	2,500	2,500			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025		Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch năm 2023				Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: phân bổ ngân sách địa phương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP					Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSDP		Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng) giai đoạn 1	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	thị trấn Đắk Tô	Từ 2023-	622-09/11/2021	12,000	12,000	10,000		2,500	2,500	2,500			
IV.5	Nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán trung ương giao chi thực hiện kiểm công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở, đăng ký biến động chính lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất					-	-	-	-	-	1,800	1,800			
	Nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán trung ương giao chi thực hiện kiểm công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở, đăng ký biến động chính lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Huyện Đắk Tô								1,800	1,800			